

## **Kinh tế Việt Nam**

### **Hoàng Công Tuấn**

Trưởng bộ phận kinh tế

[Tuan.hoangcong@mbs.com.vn](mailto:Tuan.hoangcong@mbs.com.vn)

### **Lê Minh Anh**

Chuyên viên phân tích

[Anh.LeMinh@mbs.com.vn](mailto:Anh.LeMinh@mbs.com.vn)

- **Lạm phát tháng 11/2022 tăng nhẹ so với tháng trước. Chỉ số CPI tăng 0,39% so với tháng trước và tăng 4,37% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân 11 tháng năm 2022, CPI tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,38%.**
- **Tính chung 11 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 10,6 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 0,6 tỷ USD).**
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 11T/2022 tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,4%). Chỉ số Quản trị nhà mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global ghi nhận giảm từ 50.6 điểm tháng 10 còn 47.4 điểm trong tháng 11.**
- **Tính chung 11 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 445,9 nghìn tỷ đồng, bằng 74,9% kế hoạch năm và tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước.**
- **NHNN bơm ròng tiền khá mạnh trong thời gian vừa qua và đồng USD có xu hướng yếu đi trên thị trường quốc tế, trong hai tuần đầu tháng 12, tỷ giá trong nước đã hạ nhiệt đáng kể. NHNN đã điều chỉnh mức giá bán USD từ xuống còn 24.830 đồng. So với cuối tháng 11, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do giảm 970 đồng và hiện giao dịch ở mức 24.000 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.652 đồng/USD, giảm 13 đồng và 23.592 đồng/USD, giảm 592 đồng.**

## Hoạt động kinh tế

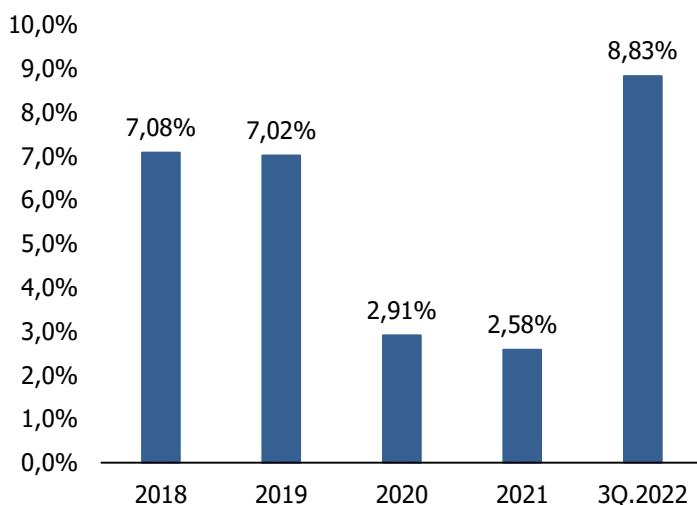
### Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2022 tăng 0,39% so với tháng trước; tăng 4,56% so với tháng 12/2021 và tăng 4,37% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2022, CPI tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,38%, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,02%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 1 nhóm giảm giá. Trong đó, nhóm giáo dục tháng 11/2022 tăng cao nhất với 10,96% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí năm học 2022-2023. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,96% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,23%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,59%; giá lương thực tăng 2,79% và thực phẩm tăng 5,12%. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,98% do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá tour, khách sạn, nhà hàng tăng khi nhu cầu du lịch trong nước tăng. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,54% chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển và tỷ giá tăng. Nhóm giao thông tháng 11/2022 tăng 0,94% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, trong đó giá vé tàu hỏa tăng 7,68%; vé máy bay tăng 39,59%; vé ô tô khách tăng 16,59%; vé xe buýt công cộng tăng 13,76%; vé taxi tăng 6,61% và vé tàu thủy tăng 3,79%, trong khi giá xăng dầu tháng Mười Một giảm 4,13% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng Mười Một tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,24%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,53%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,08%.

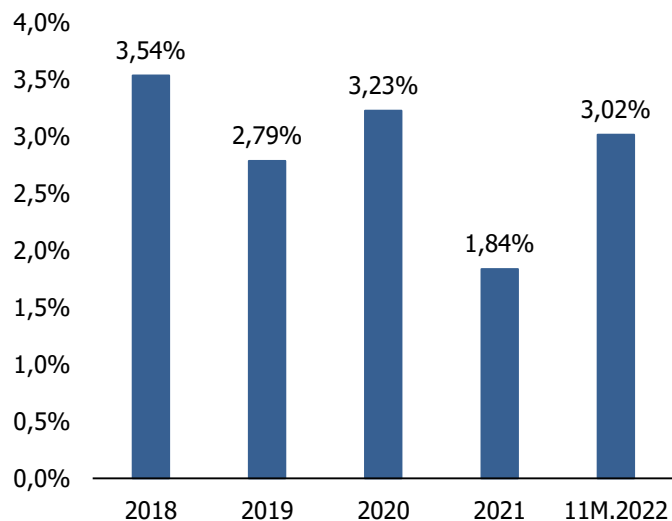
Ở chiều ngược lại, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,22% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

**Tăng trưởng GDP (n/n) của Việt Nam**



Nguồn: TCTK.

**Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam**



Nguồn: TCTK.

### Hoạt động thương mại

Trong 11 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 673,82 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước và vượt kết quả năm 2021 (668,5 tỷ USD).

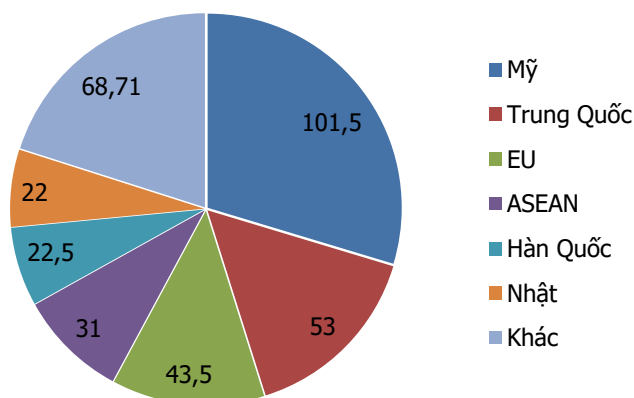
Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 342,21 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa cả nước ước đạt 331,61 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 10,6 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 0,6 tỷ USD).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 11 tháng năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 101,5 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ. Tiếp đến là thị trường Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu ước đạt gần 53 tỷ USD, tăng 5,7% so, tiếp theo đó là thị trường EU ước đạt 43,5 tỷ USD, tăng 21%; xuất khẩu sang ASEAN ước đạt 31 tỷ USD, tăng 19,3%; xuất khẩu sang Hàn Quốc ước đạt 22,5 tỷ USD, tăng 13,4%; xuất khẩu sang Nhật Bản ước đạt gần 22 tỷ USD, tăng 21,2%. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 109 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 11 tháng năm 2022, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89%. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 11 tháng năm 2022, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,6%.

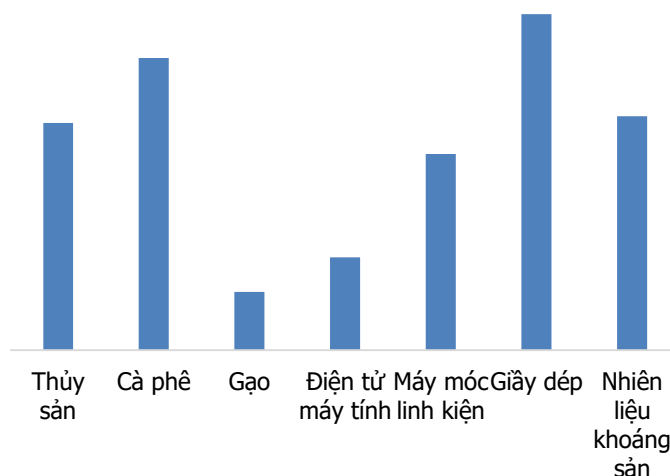
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng năm 2022 tăng 14,9% so với 11 tháng năm 2019 – năm trước khi xảy ra dịch Covid-19. Mặc dù vậy, quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng năm 2022 chỉ đạt 82,5% quy mô của chỉ tiêu này nếu ước tính trong điều kiện bình thường không xảy ra dịch Covid-19 từ năm 2020 đến nay.

**Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 11T.2022 (tỷ USD)**



guồn: TCTK.

**Tăng trưởng mặt hàng XK chính của VN 11T.2022 (%n/n)**



Nguồn: TCTK.

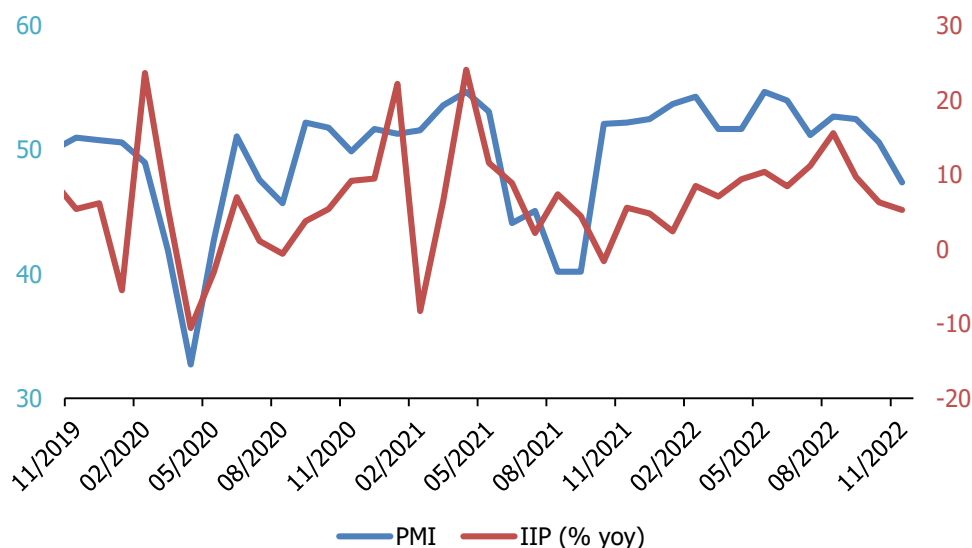
### Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 11 ước tăng 0.3% so với tháng trước và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 11T/2022 tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 4,2%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,9% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,4%), đóng góp 6,8 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,7%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,1%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 6,5%, đóng góp 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

PMI trong tháng 11/2022 giảm xuống dưới ngưỡng trung tính 50 điểm trong tháng 11, từ đó kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 13 tháng. Với kết quả 47,4 điểm so với 50,6 điểm của tháng 10, chỉ số kỳ này cho thấy các điều kiện kinh doanh suy giảm mạnh trong tháng.

Số lượng đơn đặt hàng mới ngành sản xuất giảm lần đầu tiên trong 14 tháng vào giữa quý cuối của năm, chủ yếu phản ánh nhu cầu trên thị trường quốc tế đang yếu đi. Với số lượng đơn đặt hàng mới giảm, các nhà sản xuất Việt Nam cũng giảm sản lượng, và đây là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 3. Tốc độ giảm là mạnh và nhanh nhất kể từ tháng 9/2021. Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian có sản lượng giảm, trong khi các công ty sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có sản lượng tiếp tục giảm.

**Chỉ số PMI sản xuất và IIP (% so với cùng kỳ) của Việt Nam**



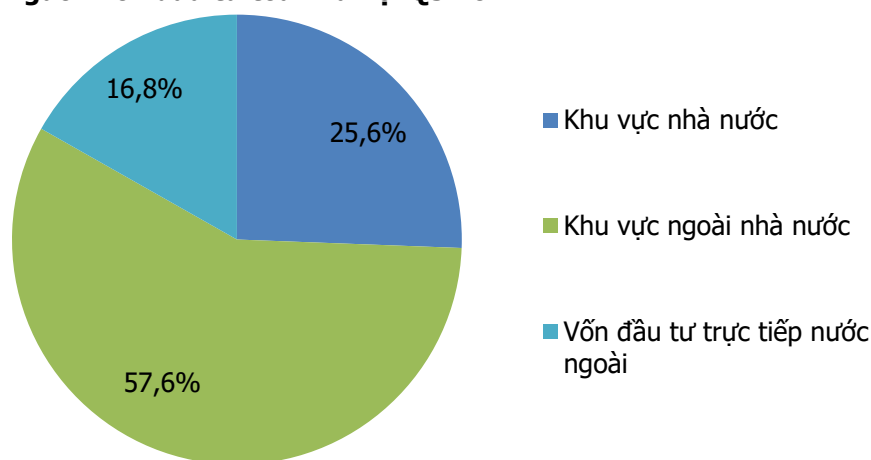
Nguồn: Bloomberg.

### Đầu tư

Trong tháng 11, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 11 tháng năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 445,9 nghìn tỷ đồng, bằng 74,9% kế hoạch năm và tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 bằng 74% và giảm 7,7%).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 11 tháng năm 2022 ước tính đạt 19,68 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 11 tháng trong 5 năm qua. Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 11 tháng năm 2022 có 101 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 395,8 triệu USD, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm trước; có 22 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 78,3 triệu USD, giảm 81,9%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 474,1 triệu USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước.

### Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội Q3.2022



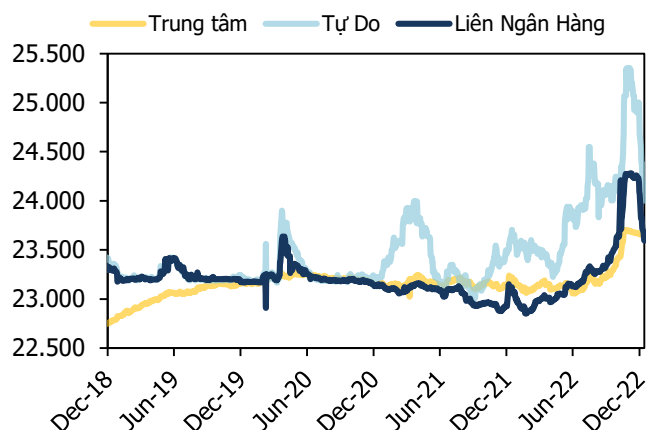
Nguồn: TCTK.

### Tỷ giá

NHNN bơm ròng tiền khá mạnh trong thời gian vừa qua và đồng USD có xu hướng yếu đi trên thị trường quốc tế, trong hai tuần đầu tháng 12, tỷ giá trong nước đã hạ nhiệt đáng kể. NHNN đã điều chỉnh mức giá bán USD từ xuống còn 24.830 đồng. So với cuối tháng 11, tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do giảm 970 đồng và hiện giao dịch ở mức 24.000 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.652 đồng/USD, giảm 13 đồng và 23.592 đồng/USD, giảm 592 đồng.

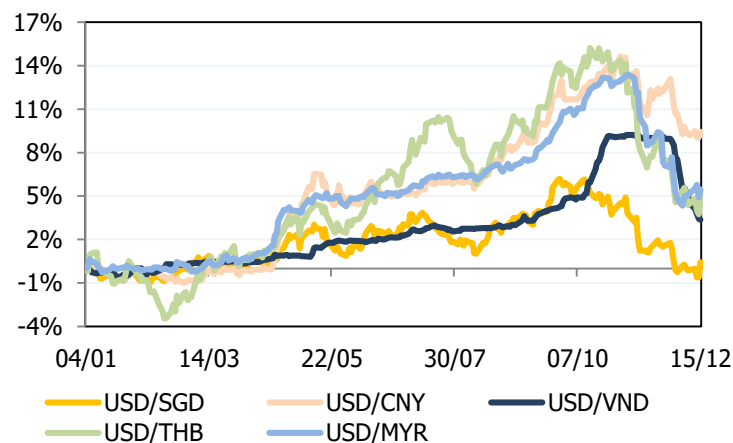
Chỉ số USD Index giảm xuống mức 104,62. Đồng USD đã giảm mạnh sau khi dữ liệu cho thấy lạm phát thấp hơn dự kiến, trong 12 tháng tính đến tháng 11, CPI tăng 7,1%, mức tăng nhỏ nhất kể từ tháng 12/2021, theo sau mức tăng 7,7% trong tháng 10. Đồng thời Fed quyết định tăng lãi suất 50 điểm cơ bản như dự kiến và thực hiện một số thay đổi đối với tuyên bố chính thức của mình. Tiếp nối 50 điểm phần trăm của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), cuối tuần trước đã chứng kiến nhiều ngân hàng trung ương cùng nâng mức lãi suất điều hành lên 50 điểm cơ bản. Dự kiến đồng bạc xanh trú ẩn an toàn có thể sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ lo ngại nền kinh tế toàn cầu sẽ suy thoái này.

## Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg

## Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg

## Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
<b>1. GDP, dân số và thu nhập</b>							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	277
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,7	6,2	6,8	7,1	7,0	2,91	2,51
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	19,0
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	26,5
Dân số (triệu người)	92,7	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	2.800
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	3,22
<b>2. Chỉ số tài khóa (%GDP)</b>							
Nợ chính phủ	49,2	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5
Nợ công	61	63,7	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7
Nợ nước ngoài	42	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1
<b>3. Các chỉ số tài chính</b>							
Tỷ giá USD/VND	22.485	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145
Lạm phát (%)	0,6	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	13,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	7,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	4.080
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	336.310
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	165.776	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250
Cán cân vãng lai (triệu USD)	-119	5.924	4.676	5.844	5.435	5.266	5.100
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	28.616	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000

Nguồn: MBS tổng hợp.

## SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

## KHOẺ NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. Khối Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: + 84 24 7304 5688 - Fax: +84 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.